TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIÊN PHƯỚC** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **05/**2019/HSST
Ngày 04- 4- 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN PHƯỚC, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trà Thị Thanh Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Phước.

Bà Ngô Thị Bích Khuyên.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Ngô Tấn Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Phước, tham gia phiên tòa:*** Ông Huỳnh Tấn Thiện - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 08/2019/TLST-HS ngày 04/3/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 3 năm 2019, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Văn Đ**, *(Tên gọi khác là Cu E)*, sinh ngày 09 tháng 10 năm 1993 tại: Thôn 02, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Nơi cư trú: Thôn 02, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1973. Gia đình có 06 anh em bị cáo là con thứ hai, chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21 tháng 11 năm 2018 đến nay. Có mặt.

- Đại diện hợp pháp cho bị cáo Trần Văn Đ: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm: 1973, địa chỉ: Thôn 02, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam *(Là mẹ ruột của bị cáo)*. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Trương Ngọc Tr, Luật sư, trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- Bị hại: **A Lăng Tr**, sinh năm 2000, địa chỉ: Thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; Vắng mặt.

ATing G, sinh năm 1993, địa chỉ: Thôn G, thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; Vắng mặt.

ATing Th, sinh năm 1996, địa chỉ: Thôn G, thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 50 phút, ngày 18 tháng 11 năm 2018, Trần Văn Đ đi bộ từ nhà đến láng trại của công nhân đang thi công cầu C, thôn 02, xã T, huyện T để trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài. Khi đến nơi, Trần Văn Đ nhìn thấy chiếc xe mô tô biển số: 92D1- 065.02, nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ - đen của anh Ating G, trú tại thôn G, thị trấn P, huyện Đ dựng trong láng trại nhưng không có người trông coi. Trần Văn Đ đi đến chỗ chiếc xe thì thấy chìa khóa đã có sẵn ở ổ khóa điện, Trần Văn Đ lấy chìa khóa mở yên xe thì thấy bên trong cốp xe có một ví da màu đen, một giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy; một chứng minh nhân dân và 07 khẩu trang y tế tất cả tài sản này của Ating G. Trần Văn Đ lục lấy giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy cất vào trong túi quần sau, sau đó Trần Văn Đ dắt xe mô tô này ra dựng trước láng trại, lúc này do trời lạnh nên Đ quay vào láng trại lấy tiếp một chiếc áo khoát da, màu đen của Ating G mặc vào người. Để tránh sự phát hiện của người khác, Trần Văn Đ không nổ máy mà dắt xe đi một đoạn, khi đã cách xa láng trại thì Trần Văn Đ khởi động máy điều khiển xe chạy về hướng thôn 2, xã Tiên Lãnh. Khi đi đến khu vực vườn nhà ông Huỳnh Ngọc T thôn 2, xã T, huyện T Trần Văn Đ dừng xe vứt bỏ ví da, chứng minh nhân dân và 07 khẩu trang y tế nói trên vào hàng rào gần đó rồi tiếp tục điều khiển xe chạy về hướng thủy điện Sông Tranh 3 để chạy ra thành phố Đà Nẵng. Khi đến thành phố Đà Nẵng, Trần Văn Đ vào phòng trọ của một thanh niên tên C bạn của Đ ở thôn 5, xã T, huyện T để nghỉ nhờ. Sáng ngày 19/11/2018 Trần Văn Đ điều khiển xe mô tô trộm cắp được nói trên đến một số tiệm cầm đồ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng để cầm cố nhưng không được. Chiều cùng ngày, Trần Văn Đ điều khiển xe đi đến phòng trọ của anh Lê Văn Ch, sinh năm 1988, hiện đang tạm trú tại số 05, P. N, Quận S, thành phố Đ ở nhờ. Sáng ngày 20/11/2018 Trần Văn Đ tiếp tục đi tìm nơi tiêu thụ nhưng không được, đến chiều tối cùng ngày Trần Văn Đ điều khiển xe về lại Quảng Nam, khi đi đến đoạn đường thuộc xã Q, huyện Q thì người bị hại phát hiện, bắt giữ và giao nộp cho Công an.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tiên Phước còn xác định: Ngoài lần trộm cắp xe mô tô nêu trên, vào đêm 02 tháng 10 năm 2018, Trần Văn Đ đã trộm cắp 03 chiếc điện thoại di động, gồm: 01 chiếc hiệu Sam sung

J2 Pro của Alăng Tr, 01 chiếc hiệu FPT, 01 chiếc hiệu Mobistar của Ating Th tại láng trại của công nhân thi công cầu Chàng Ràng thuộc thôn 2, xã T, huyện T. Trần Văn Đ đem điện thoại di động hiệu Samsung J2 Pro cầm cho tiệm tạp hóa Được V thôn 2, xã T, huyện T lấy 500.000đ tiêu xài cá nhân. Số điện thoại di động còn lại, Công an xã T đã phát hiện, tạm giữ và đã trao trả cho chủ sở hữu.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 40, 02, 03 ngày 24/11/2018, 09/01/2019, 10/01/2019 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tiên Phước đã định giá và kết luận giá trị của các tài sản mà Trần Văn Đ trộm cắp, cụ thể:

- Một (01) xe môtô nhãn hiệu Yamaha Sirius, số máy: 5C63536997, số khung: RLCS5C630BY536948; màu sơn: đỏ - đen; biển kiểm soát: 92D1-065.02; xe đã qua sử dụng, có giá trị 9.500.000đ.

- Một (01) áo da nam màu đen đã qua sử dụng, có giá trị 600.000đ

- Một (01) ví da màu đen, cũ, đã qua sử dụng, có giá trị 10.000đ

- Bảy (07) khẩu trang y tế, có giá trị 7.000đ

- Một (01) điện thoại di động hiệu SAMSUNG J2 PRO màu ghi, máy cũ, đã qua sử dụng, có giá trị 2.800.000đ

- Một (01) điện thoại di động hiệu FPT màu xanh, máy cũ, đã qua sử dụng, có giá trị 380.000đ

- Một (01) điện thoại di động hiệu MOBISTAR màu đỏ, máy cũ, đã qua sử dụng, có giá trị 1.733.000đ. Tổng cộng giá trị tài sản Trần Văn Đ trộm cắp là: 15.030.000đồng (*Mười lăm triệu không trăm ba mươi nghìn đồng*).

Tại bản Cáo trạng số: 05/CTr-KSĐT ngày 28 tháng 02 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Phước đã truy tố bị cáo Trần Văn Đ về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015*(Sửa đổi bổ sung năm 2017)*.

Qua điều tra xác định bị cáo Trần Văn Đ là người có tiền sử bị bệnh tâm thần nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam đã trưng cầu Trung tâm Pháp y tâm thần khu vực miền Trung giám định xác định khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi của bị cáo tại thời điểm trước, trong và sau khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nêu trên. Tại Kết luận giám định pháp y tâm thần số: 94/KLGĐTC ngày 23 tháng 01 năm 2019, kết luận: Trước thời điểm gây án, tại thời điểm gây án và thời điểm hiện tại, Trần Văn Đ bị chậm phát triển tâm thần mức độ trung bình, có tật chứng tác phong đáng kể (*F71.1*), hạn chế khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo theo như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản

1 Điều 173, Điểm h,q,s Khoản 1 Điều 51, Điểm g Khoản 1 Điều 52, Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015(*Sửa đổi, bổ sung năm 2017*) xử phạt bị cáo Trần Văn Đ từ 5 đến 6 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: - Một xe môtô nhãn hiệu Yamaha Sirius số máy: 5C63536997, số khung: RLCS5C630BY536948; màu sơn: Đỏ - đen; biển kiểm soát: 92D1-065.02; xe đã qua sử dụng. Kèm theo xe có 01 chùm chìa khóa gồm 02 chìa, trong đó có 01 chìa khóa bốn chấu và 01 chìa khóa dẹp (*Đã trao trả cho chủ sở hữu*).

- Một giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 002429 do Công an huyện Điện Bàn, Quảng Nam cấp ngày 06/10/2011 cho xe mô tô biển kiểm soát: 92D1 - 065.02 (*Đã trao trả cho chủ sở hữu*).

- Một áo da nam màu đen đã qua sử dụng, bên trái ngực áo có chữ GANT, phía sau lưng áo bên trái bị rách. Xét thấy vật chứng này không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Về trách nhiệm dân sự: Tài sản trộm cắp đã được thu hồi và trao trả lại cho những người bị hại. Hiện nay, người bị hại không có yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn Đ thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình theo như Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Trần Văn Đ: Bà Nguyễn Thị B thống nhất với nội dung Cáo trạng đã truy tố bị cáo và không có ý kiến gì.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Trương Ngọc Tr đề nghị HĐXX áp dụng Khoản 1 Điều 173, Điểm h,q,s khoản 1 Điều 51, Điểm g Khoản 1 Điều 52, Điều 54, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*Sửa đổi, bổ sung năm 2017*); Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP, ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án do Cơ quan điều tra Công an huyện Tiên Phước, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Phước, Điều tra viên, Kiểm sát viên thu thập được, các chứng cứ, tài liệu do người tham gia tố tụng cung cấp cũng như hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều đảm bảo tính pháp lý, đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết

định của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn Đ khai nhận: Để có tiền tiêu xài, ngày 18/11/2018, Trần Văn Đ đi đến láng trại của công nhân đang thi công cầu Chàng Ràng, thuộc thôn 02 xã T, huyện T trộm cắp của Ating G, trú tại thôn Gừng, thị trấn P, huyện Đ 01 xe mô tô biển số: 92D1-065.02 nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đỏ-đen có giá trị 9.500.000 đồng. Qua điều tra, bị cáo tiếp tục khai nhận vào đêm 02/10/2018 Trần Văn Đ trộm cắp 03 chiếc điện thoại di động của Alăng Tr và Ating Th sau đó mang đi cầm 01 điện thoại hiệu Samsung J2Pro lấy 500.000 đồng tiêu xài, hai điện thoại còn lại Công an xã T phát hiện tạm giữ và trao trả lại cho chủ sở hữu.

[3]. Lời khai nhận tội của bị cáo Trần Văn Đ tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở để kết luận hành vi của Trần Văn Đ phạm tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015(*Sửa đổi, bổ sung năm 2017*) như cáo trạng đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4]. Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và trách nhiệm của bị cáo thì thấy: Quyền sở hữu tài sản là một trong những quyền cơ bản của công dân được pháp luật bảo vệ, bất kỳ người nào có năng lực trách nhiệm hình sự nhưng có hành vi trái pháp luật xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác đều bị pháp luật trừng trị. Với mục đích muốn có tiền để tiêu xài, bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của người bị hại thực hiện hành vi trộm cắp tài sản.

[5]. Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo Trần Văn Đ thực hiện hai lần trộm cắp tài sản, giá trị tài sản của mỗi lần trộm cắp trên 2.000.000 đồng nên bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015*(Sửa đổi bổ sung năm 2017)*. Tuy nhiên, bị cáo Trần Văn Đ có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, tài sản bị cáo trộm cắp đã được thu hồi và trả lại cho chủ sở hữu. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải với hành vi phạm tội. Bị cáo bị hạn chế khả nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các Điểm q, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015(*Sửa đổi, bổ sung năm 2017*). Gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo, có xác nhận của chính quyền địa phương xã Tiên Ngọc, đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015(*Sửa đổi, bổ sung năm 2017*). Xét thấy, bị cáo Trần Văn Đ có một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nhưng bị cáo có ba tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015(*Sửa đổi bổ sung năm 2017*). Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở để áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015(*Sửa đổi bổ sung năm 2017)* xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, xử bị cáo

bằng thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam và trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

Đối với đề nghị của người bào chữa về việc cho bị cáo Trần Văn Đ được hưởng án treo, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo Trần Văn Đ không đủ các điều kiện để cho hưởng án treo theo quy định tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP, ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao bởi vì: Theo quy định tại Điều 3 của Nghị quyết đã quy định những trường hợp không cho hưởng án treo trong đó tại khoản 5 có trường hợp: "*Người phạm tội nhiều lần, trừ trường hợp người phạm tội là người dưới 18 tuổi*". Trong vụ án này, bị cáo Trần Văn Đ đã thực hiện hai lần trộm cắp và khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã trên 18 tuổi nên không đủ điều kiện cho bị cáo Trần Văn Đ được hưởng án treo. Do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của người bào chữa về việc cho bị cáo Trần Văn Đ được hưởng án treo.

[8]. Về phần trách nhiệm dân sự: Tài sản bị cáo trộm cắp đã được thu hồi và trao trả lại cho chủ sở hữu. Hiện nay người bị hại không có yêu cầu đền bù gì thêm nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[9]. Về xử lý vật chứng: Xét thấy một áo da nam màu đen đã qua sử dụng, bên trái ngực áo có chữ Gant, phía sau lưng áo bị rách không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[10]. Về án phí: Bị cáo Trần Văn Đ thuộc diện hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí nên bị cáo được miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ, khoản 01 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn Đ *(Tên gọi khác là Cu E)* phạm tội:"Trộm cắp tài sản".

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 173, các Điểm q, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điểm g Khoản 1 Điều 52, Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015(*Sửa đổi, bổ sung năm 2017*), Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điểm đ, Khoản 01 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo Trần Văn Đ 4(*Bốn*) tháng 15(*Mười lăm*) ngày tù. Tuyên bố trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015(*Sửa đổi, bổ sung năm 2017*), Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Tịch thu tiêu hủy: Một áo da nam màu đen đã qua sử dụng, bên trái ngực áo có chữ Gant, phía sau lưng áo bên trái bị rách.

(*Vật chứng này hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Phước theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 21/3/2019*).

Về án phí: Bị cáo Trần Văn Đ được miễn 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng y*) tiền án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm *(Ngày 04/4/2019).* Đối với người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Nam,
- VKSND tỉnh Quảng Nam,
- Công an h.Tiên Phước,
- VKSND h.Tiên Phước,
- Chi cục THADS h.Tiên Phước,
- Phòng PV 27 CA Q.Nam,
- Phòng HSNV Sở tư pháp Q Nam,
- Người tham gia TT,
- Lưu hồ sơ vụ án,
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Trà Thị Thanh Thắm

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Nam,
- VKSND tỉnh Quảng Nam,
- Công an h.Tiên Phước,
- VKSND h.Tiên Phước,
- Chi cục THADS h.Tiên Phước,
- Phòng PV 27 CA Q.Nam,
- Phòng HSNV Sở tư pháp Q Nam,
- Người tham gia TT,
- Lưu hồ sơ vụ án,
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trà Thị Thanh Thắm

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**